

Bản án số: 26/2025/HNGĐ -ST

Ngày 31/3/2025

V/v Tranh chấp Hôn nhân và gia đình”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ MỸ HÀO - TỈNH HƯNG YÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thơm

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Mạnh Hà

2. Bà Đặng Thị Tuyết Hương

Thư ký phiên toà: Ông Phạm Đăng Toàn - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Mỹ Hào.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Mỹ Hào tham gia phiên toà: Bà Dương Thị Duyên - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Mỹ Hào mở phiên tòa xét xử công khai vụ án tranh chấp Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 13/2025/TLST-HNGĐ ngày 18/02/2025 về việc “Ly hôn và nuôi con chung khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2025/QĐST- HNGĐ ngày 14/3/2025, giữa:

*** *Nguyên đơn:*** Chị Lê Thị M, sinh năm 1998 (*Vắng mặt*).

Địa chỉ HKTT: Thôn T, xã C, thị xã M, tỉnh Hưng Yên.

Nơi ở hiện tại: Tổ dân phố P, phường D, thị xã M, tỉnh Hưng Yên.

*** *Bị đơn:*** Anh Phan Văn H, sinh năm 1994 (*Vắng mặt*).

Địa chỉ HKTT: Thôn T, xã C, thị xã M, tỉnh Hưng Yên.

*** *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:***

1. Cháu Phan Hà C, sinh ngày 13/9/2018 (*Vắng mặt*).

2. Cháu Phan Hương G, sinh ngày 29/02/2020 (*Vắng mặt*).

Người đại diện theo pháp luật cho cháu C và cháu G: Anh Phan Văn H và chị Lê Thị M là bố mẹ của cháu (*Vắng mặt*).

*** *Người làm chứng:*** Bà Đặng Thị C1, sinh năm 1961 (*Vắng mặt*).

Địa chỉ: Tổ dân phố P, phường D, thị xã M, tỉnh Hưng Yên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện và lời khai của nguyên đơn chị Lê Thị M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Phan Văn H đăng ký kết hôn tự nguyện tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện M (nay là thị xã M), tỉnh Hưng Yên năm 12/01/2018 và đã được cấp Giấy chứng nhận kết hôn. Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống bình thường tại thôn T, xã C, huyện M (nay là thị xã M), tỉnh Hưng Yên. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, thời điểm mâu thuẫn vào giữa năm 2023, căng thẳng nhất là vào tháng 9 năm 2023 và vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay không quan hệ vợ chồng. Nguyên nhân mâu thuẫn là do hai bên bất đồng về quan điểm sống, không thống nhất được với nhau trong việc làm ăn xây dựng kinh tế gia đình nên thường xuyên xảy ra to tiếng cãi nhau, dẫn đến không tìm được tiếng nói chung, cuộc sống không hạnh phúc, bế tắc. Trước khi nộp đơn ly hôn đơn phương, chị đã viết đơn xin ly hôn và anh H đã đồng ý ly hôn, ký vào đơn này nhưng sau đó không đến Tòa án để làm việc do bận công việc nên không làm được thủ tục đồng thuận ly hôn. Nay chị xác định, cuộc sống không hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm, mục đích hôn nhân không đạt được và cứ kéo dài tình trạng thế này thì chỉ khổ cho cả hai bên, ảnh hưởng rất nhiều đến cuộc sống và công việc. Vì vậy, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H để mỗi bên ổn định cuộc sống riêng.

Về con chung: Chị và anh H có 02 con chung là cháu Phan Hà C, sinh ngày 13/9/2018 và cháu Phan Hương G, sinh ngày 29/02/2020. Quan điểm của chị là giao cả 02 cháu cho anh H tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến khi thành niên. Bởi lẽ, hiện tại chị làm việc xa nhà và đang thuê trọ với chỗ ở chỉ đủ cho một người. Mức thu nhập chưa thực sự ổn định nên các cháu ở với chị sẽ không đảm bảo quyền lợi. Hiện tại các cháu đều đang ở với bố và được sự hỗ trợ của ông bà nội tại thôn T, xã C, thị xã M. Hơn nữa, giữa chị và anh H cũng đã trao đổi và đã thống nhất được với nhau về việc anh H nuôi dưỡng 02 con vì thực tế 02 cháu cũng có nguyện vọng được ở với bố. Đối với anh H, hiện tại đã có công việc và thu nhập ổn định, đủ điều kiện trang trải cuộc sống và nuôi dạy con chung. Để tránh xáo trộn nơi ăn, chốn ở và học hành của 02 cháu nên cả 02 cháu C và G tiếp tục ở với anh H là phù hợp, đảm bảo quyền lợi chính đáng cho 02 cháu. Vì vậy, chị yêu cầu Tòa án giải quyết giao cả 02 cháu cho anh H nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến khi thành niên. Về việc cấp dưỡng, chị M đang cố gắng làm ăn, hỗ trợ thêm để nuôi dưỡng 02 cháu với anh H. Vì vậy, chị tự nguyện cấp dưỡng hằng tháng mỗi cháu 1.000.000đ/tháng, tổng số tiền là 2.000.000đ/tháng/02 cháu (Hai triệu đồng một tháng hai cháu). Thời điểm cấp dưỡng tính từ khi án có hiệu lực pháp luật đến khi cả 02 cháu thành niên. Chị xác định, đây là sự tự nguyện của chị vì giữa chị và anh H không có tranh chấp gì về việc nuôi dưỡng và cấp dưỡng nuôi con chung khi ly hôn.

Về tài sản, nợ, công sức và ruộng nông nghiệp: Khi ly hôn, chị tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn là anh Phan Văn H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị M đăng ký kết hôn tự nguyện tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện M năm 2018 và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn. Trong quá trình chung sống vợ chồng mâu thuẫn, vợ chồng ly thân từ năm 2022, chị M đã về nhà bố mẹ đẻ được hơn 02 năm nay. Về nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau về quan điểm sống. Nay chị M làm đơn xin ly hôn, anh hoàn toàn nhất trí và yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị M; Về con chung: Anh và chị M có 02 con chung là cháu Phan Hà C, sinh năm 2018 và cháu Phan Hương G, sinh năm 2020. Hiện cả hai cháu đều đang ở với anh tại thôn T, xã C, thị xã M, tỉnh Hưng Yên. Hiện tại anh có công việc, nơi ăn, chốn ở ổn định, đủ điều kiện nuôi dưỡng các cháu thành niên. Vì vậy, anh yêu cầu tòa án giải quyết cho anh nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cả 02 cháu C và G đến khi thành niên và anh tự nguyện không yêu cầu chị M cấp dưỡng; Về tài sản, nợ, công sức và ruộng nông nghiệp, anh H tự nguyện không yêu cầu giải quyết. Anh đề nghị không hòa giải và có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt.

* Quan điểm của người làm chứng: Bà Đặng Thị C1 là mẹ của chị Lê Thị M trình bày: Trong quá trình chung sống, bà biết giữa chị M và anh H đã phát sinh mâu thuẫn và chị M về nhà bà ở từ cuối năm 2023 đến nay, không quay trở lại chung sống cùng anh H lần nào. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không thống nhất được với nhau trong việc làm ăn xây dựng kinh tế gia đình nên đã thường xuyên xảy ra to tiếng, không tìm được tiếng nói chung nên cuộc sống không hạnh phúc. Cả hai bên gia đình đã nhiều lần khuyên bảo để chị M và anh H bỏ qua mâu thuẫn nhưng đến nay vẫn chưa được, tình cảm anh chị vẫn chưa được cải thiện. Nếu chị M và anh H mà tự thỏa thuận được với nhau thì đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của anh chị, còn nếu anh chị không tự thỏa thuận được thì bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật và đồng thời bà tự nguyện đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt.

* Quan điểm của Ủy ban nhân dân xã C: Chị Lê Thị M và anh Phan Văn H đăng ký kết hôn tự nguyện tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện M (nay là thị xã M) ngày 12/01/2018 và đã được cấp Giấy chứng nhận kết hôn. Nay chị M làm đơn xin ly hôn với anh H và trình bày cụ thể lý do mâu thuẫn, nguyên nhân ly hôn đã chứng tỏ tình cảm vợ chồng vẫn chưa được cải thiện. Nếu chị M kiên quyết xin ly hôn đối với anh H thì địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng anh H vắng mặt nên không hoà giải được; vì vậy, Tòa án phải đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa: Vắng mặt nguyên đơn là chị M, bị đơn là anh H, vắng mặt người làm chứng là bà C1 nhưng đều có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt.

Chủ tọa phiên tòa đã công bố toàn bộ các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện VKSND thị xã tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Tòa án thụ lý vụ án, lấy lời khai, thu thập chứng cứ, thông báo về phiên họp kiểm tra về việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; tiến hành mở phiên họp kiểm tra về việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và đưa vụ án ra xét xử đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký chấp hành đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung, đại diện Viện kiểm sát đề nghị: Căn cứ Điều 51, 56, 57, 81 Luật hôn nhân và gia đình; xử cho chị M được ly hôn anh H; Về con chung: Giao cháu Phan Hà C, sinh ngày 13/9/2018 và cháu Phan Hương G, sinh ngày 29/02/2020 cho anh H nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến khi thành niên và ghi nhận sự tự nguyện cấp dưỡng của chị M số tiền là 1.000.000đ/tháng/01 cháu (Một triệu đồng một tháng một cháu); Về tài sản chung, nợ, công sức và ruộng nông nghiệp: Không đặt ra giải quyết; Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án; Điều 3 và Điều 11 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao về Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình thì chị M, anh H liên đới chịu 150.000 đồng án phí sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị Lê Thị M khởi kiện xin ly hôn anh Phan Văn H cư trú tại thôn T, xã C, thị xã M và đề nghị Tòa án giải quyết về việc nuôi dưỡng con chung khi ly hôn nên đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Mỹ Hào theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa chị M, anh H và bà C1 đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên việc xét xử vụ án vắng mặt những người này là phù hợp theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ lời trình bày của chị M, anh H, bà C1 và nội dung xác minh tại Ủy ban nhân dân xã C có đủ cơ sở xác định: Chị M và anh H kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện M (nay là thị xã M), tỉnh Hưng Yên ngày 12/01/2018 nên quan hệ hôn nhân giữa chị M và anh H là hợp pháp. Nay chị M có yêu cầu xin ly hôn với anh H sẽ được áp dụng Luật hôn nhân và gia đình để giải quyết theo thủ tục chung.

Xét thấy, thời gian vợ chồng chung sống đến giữa năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn và ly thân từ tháng 9 năm 2013 đến nay, hai bên không còn trách nhiệm, tình cảm gì với nhau nữa. Nguyên nhân là do quá trình vợ chồng chung sống đã nảy sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng về quan điểm, không thống nhất được với nhau trong

việc làm ăn xây dựng kinh tế gia đình, dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra to tiếng cãi nhau, không tìm được tiếng nói chung, cuộc sống bế tắc, không hạnh phúc. Trước khi nộp đơn ly hôn đơn phương, chị đã viết đơn xin ly hôn và anh H đã đồng ý ly hôn, ký vào đơn này nhưng sau đó anh H không đến Tòa án để làm việc do bận công việc nên hai bên không làm được thủ tục đồng thuận ly hôn. Đối với anh H, trong quá trình giải quyết vụ án đã đồng ý ly hôn và không có quan điểm gì về việc hàn gắn mâu thuẫn vợ chồng. Anh thừa nhận vợ chồng mâu thuẫn và chị M đã đi về nhà bố mẹ đẻ ở từ năm 2023 và vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Hai bên gia đình đã cố gắng hàn gắn mâu thuẫn nhưng không có kết quả và anh chị cũng không có biện pháp gì để hàn gắn mâu thuẫn vợ chồng nên đều nhất trí ly hôn. Điều đó cho thấy tình cảm yêu thương gắn bó giữa anh chị không còn, phản ánh đúng thực trạng hôn nhân của vợ chồng là cuộc sống không hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, có đầy đủ căn cứ xử cho ly hôn. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị M và giải quyết cho chị M được ly hôn với anh H để mỗi bên ổn định cuộc sống.

[3] Về con chung: Chị M và anh H có 02 con chung là cháu Phan Hà C, sinh ngày 13/9/2018 và cháu Phan Hương G, sinh ngày 29/02/2020. Xét quan điểm của chị M về việc giao cả 02 cháu cho anh H nuôi dưỡng thì thấy: Đối với chị M, đang ở trọ xa nhà và chỗ ở nhỏ, chỉ đủ điều kiện sinh hoạt cho 01 người. Đối với anh H, hiện tại đã có công việc, thu nhập nên đủ điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc 02 cháu. Thực tế, cả 02 cháu đang ở với anh H và được sự hỗ trợ của ông bà nội. Mặt khác, theo lời trình bày của chị M thì giữa chị và anh H cũng đã trao đổi thống nhất với nhau về người nuôi dưỡng con đã phù hợp với lời trình bày của anh H cũng có nguyện vọng nuôi dưỡng 02 cháu nên cả 02 cháu tiếp tục ở với anh H là phù hợp. Vì vậy, để tránh xáo trộn nơi ăn, chốn ở và học hành của 02 cháu và xét quan điểm của anh chị nêu trên là hoàn toàn tự nguyện, đảm bảo quyền lợi chính đáng của con chung nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị M và giao cháu C và cháu G cho anh H nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến khi thành niên. Về việc cấp dưỡng, mặc dù anh H không yêu cầu chị M cấp dưỡng nhưng chị vẫn tự nguyện cấp dưỡng hằng tháng mỗi cháu 1.000.000đ/tháng, tổng 02 cháu với số tiền là 2.000.000đ/tháng/02 cháu (Hai triệu đồng một tháng hai cháu). Thời điểm cấp dưỡng tính từ khi án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu C và cháu G thành niên. Vì vậy, Hội đồng xét xử sẽ ghi nhận sự tự nguyện cấp dưỡng của chị M theo quy định của pháp luật.

[4] Về tài sản chung, nợ, công sức và ruộng nông nghiệp: Chị M và anh H đều tự nguyện không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Án phí: Chị M và anh H thuận tình ly hôn trước khi mở phiên tòa sơ thẩm nên anh chị phải chịu 50% án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án và Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm

phán Tòa án nhân dân Tối cao về Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 51; Điều 56; Điều 57; Điều 73; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về án phí và lệ phí Tòa án;

- Khoản 1 Điều 3 và điểm a khoản 2 Điều 11 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao về Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lê Thị M ly hôn anh Phan Văn H.

[2]. Về con chung: Giao cháu Phan Hà C, sinh ngày 13/9/2018 và cháu Phan Hương G, sinh ngày 29/02/2020 cho anh H nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến khi thành niên.

Ghi nhận sự tự nguyện của chị M cấp dưỡng nuôi con chung hằng tháng số tiền 2.000.000đ/tháng/02 cháu (*Hai triệu đồng một tháng hai cháu*). Thời điểm cấp dưỡng tính từ khi án có hiệu lực pháp luật đến khi 02 cháu thành niên.

Chị M có quyền thăm nom và chăm sóc con chung; không ai được cản trở chị M thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con chung, chị M và anh H có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

[3]. Về tài sản, công nợ, công sức và ruộng nông nghiệp: Không đặt ra giải quyết.

[4]. Về án phí: Chị Lê Thị M phải chịu 75.000 đồng (*Bảy mươi lăm nghìn đồng*) án phí sơ thẩm ly hôn. Được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí ly hôn 300.000 đồng chị M đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0003542 ngày 18/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên, chị Lê Thị M đã nộp xong án phí sơ thẩm ly hôn. Hoàn trả chị M số tiền 225.000 đồng (*Hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng*).

Anh Phan Văn H phải chịu 75.000 đồng (*Bảy mươi lăm nghìn đồng*) án phí sơ thẩm ly hôn.

[5]. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng Thanh tra, kiểm tra và THA - TAND tỉnh Hưng Yên;
- VKSND thị xã Mỹ Hào.
- Chi cục THADS thị xã Mỹ Hào;
- UBND xã Cẩm Xá;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA, VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thơm

